

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 9 - 2019

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Phạm Kim An.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/7/2019, về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Thông báo xét xử vụ án số: 65/2019/TBXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; “Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

-Người làm chứng:

Ông Trần Tiến T và bà Trần Thị Kim O; đều địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá

trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ, ngoài ra anh T còn chơi bời không quan tâm chăm lo cho gia đình. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Thành T có 02 con chung tên là Trần Thu U, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 và Trần Phúc L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018. Tại đơn khởi kiện nguyện vọng của chị khi ly hôn xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai chị xin thay đổi nhận nuôi con U, còn để anh T nuôi con L, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và hòa giải, giấy báo đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Kết quả làm việc với ông Trần Tiến T và bà Trần Thị Kim O là bố mẹ đẻ của anh Trần Thanh T, ông T và bà O trình bày: Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, do anh T đi làm ăn xa không đến Tòa án để làm việc.

Anh T và chị N đến với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân T. Anh T và chị N mâu thuẫn là do nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, chị N có quan hệ với người đàn ông khác, mặt khác do bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình đã động viên anh T và chị N để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Gia đình mong muốn anh Tùng và chị N quay về đoàn tụ hàn gắn hạnh phúc vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp mà chị N quyết tâm xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Vợ chồng anh T và chị N có hai con chung, hiện hai con đang ở với gia đình ông bà và anh T. Nếu ly hôn nguyện vọng của gia đình cũng như anh T là xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng. Anh T và chị N không có tài sản cũng không liên quan kinh tế với gia đình.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân T: Chị Ngô Thị N và anh Trần Thanh T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân T vào ngày 16/3/2018. Mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân do không hòa hợp về lối sống, bất đồng quan điểm. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế cũng như nguyện vọng của đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung như đương sự

trình bày là đúng. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giao cho N và anh T mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho đôi bên. Về tài sản như đương sự trình bày là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về nội dung: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Trần Thanh T. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Trần Thu U, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 và Trần Phúc L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018. Căn cứ vào: Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thu U; giao cho anh Trần Thanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Phúc L, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị N đã chấp hành theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Thanh T không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N và anh Trần Thành T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018 tại UBND xã , huyện X, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự chia sẻ, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Chị N xin ly hôn, anh T thì mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng lại không đến Tòa để tham gia phiên họp và hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh T cũng không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là xử cho ly hôn giữa chị

Ngô Thị N và anh Trần Thanh T là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Chị Ngô Thị N và anh Trần Thanh T có 02 con chung tên là Trần Thu U, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 và Trần Phúc L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018. Khi ly hôn chị N xin nhận nuôi con U, còn để anh T nuôi con L, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn gia đình anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng. Xét thấy, chị N có thu nhập, hai con đều dưới 36 tháng tuổi, nguyện vọng của chị N xin nhận nuôi con U là phù hợp nên HĐXX sẽ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con U, còn để anh T nuôi dưỡng con L, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Anh T có trách nhiệm giao con cho chị N nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị N và anh T không có tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho chị Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thu U, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016; giao cho anh Trần Thanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Phúc L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018. Chị Ngô Thị N và anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Buộc anh Trần Thanh T có trách nhiệm giao con Trần Thu U cho chị Ngô Thị N nuôi dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí: Chị Ngô Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001576 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Nam Định; chị Ngô Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X.
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

